TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị P; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Làng K, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Làng T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị P, anh H. Chị P, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị P trình bày: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ tháng 05/2013, nhưng mãi đến ngày 04/7/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh H thường xuyên chơi bời, không chịu tu chí làm ăn. Hai bên gia đình đã hoà giải

nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 29/4/2014 và cháu Bùi Thị Nhã P1, sinh ngày 07/8/2016. Nếu ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị đi làm ăn vắng nhà, chị có gửi hai cháu nhờ ông bà nội chăm sóc, chị vẫn gửi tiền về hàng tháng để nuôi các cháu ăn học, quan tâm đến việc học hành và thường xuyên về thăm các cháu. Hiện chị đã có chỗ ở ổn định và có nghề nghiệp, thu nhập ổn định tại Làng K, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về tài sản: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn H trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 29/4/2014 và cháu Bùi Thị Nhã P1, sinh ngày 07/8/2016. Nếu ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Bùi Văn H. Giao cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 29/4/2014 và cháu Bùi Thị Nhã P1, sinh ngày 07/8/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lò Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn H, nơi cư trú tại Làng T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Lò Thị P và anh Bùi Văn H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị P, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2014 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị P và anh H đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị P, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung. Chị P và anh H đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, trong thời gian chị P đi làm ăn vắng nhà, chị vẫn gửi tiền về hàng tháng để nuôi các cháu ăn học, quan tâm đến việc học hành và thường xuyên về thăm các cháu. Các cháu có nguyện vọng, tha thiết muốn được ở với mẹ và sống cùng nhau khi bố mẹ ly hôn. Anh H đang phải đi làm xa, chị P có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, làm việc gần nhà và cũng có chỗ ở, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị P là phụ nữ sẽ quan tâm, chăm sóc các cháu tốt hơn anh H. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị P: giao cả hai cháu cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị P, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị P, anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn Đ, sinh ngày 29/4/2014 và cháu Bùi Thị Nhã P1, sinh ngày 07/8/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000706 ngày 10/11/2023. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị P, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh